

Số: /ĐA-BQLKKT

Quảng Ninh, ngày tháng 10 năm 2026

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

A. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP ĐỀ ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 64/2025/QH15;

Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Văn bản hợp nhất số 130/VBHN-VPQH ngày 29/8/2025 của Văn phòng Quốc hội;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC;

Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố (HĐND) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu

vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh; Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của HĐND thành phố sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND.

B. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1. Về chủ trương

Thực hiện thông báo kết luận số 395/TB-VP.UBND ngày 09/9/2026 về Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 8348/VP.UBND-TC ngày 10/9/2026 về việc đánh giá, tham mưu việc triển khai, thực hiện quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; trong đó yêu cầu tập trung đánh giá tác động của mức thu phí đối với hoạt động xuất nhập khẩu, nhất là hàng hóa xuất khẩu và nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp, khả thi, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu; Văn bản số 8858/VP.UBND-TC ngày 26/9/2026 V/v tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh (Ban QLKKT) đã tổ chức rà soát tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; đồng thời đánh giá tình hình thực hiện chính sách mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu theo Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026. Trên cơ sở kết quả rà soát, tình hình thực tiễn, đồng thời thực hiện chủ trương của thành phố về việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu và phát triển kinh tế cửa khẩu; các chỉ tiêu về phương tiện, tờ khai, kim ngạch nhập khẩu và số thu ngân sách từ hoạt động hải quan tại nhiều địa bàn có mức tăng đáng kể, cho thấy Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND đã tạo tác động trực tiếp đến mục tiêu giảm chi phí cho doanh nghiệp. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh theo hướng mở rộng áp dụng mức thu phí 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu là cần thiết và có cơ sở thực tiễn.

Thứ nhất, Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố đã quy định mức thu 0 đồng đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, qua đó trực tiếp giảm chi phí cho doanh nghiệp và góp phần nâng cao sức cạnh tranh của hoạt động xuất nhập khẩu qua địa bàn. Sau thời gian thực hiện, số thu phí từ nhóm phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu giảm rõ rệt, phản ánh đúng tác động tài chính của chính sách. Tuy nhiên, về tổng thể tác động đối với hoạt động kinh tế khác trên địa bàn lại có chuyển biến tích cực (tạo thêm nguồn thu từ các hoạt động kinh tế khác). Theo số liệu Chi cục Hải quan Khu vực VIII, từ ngày 28/4/2026 đến ngày 20/9/2026, so với giai đoạn trước khi thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND, bình quân ngày tại 04 địa bàn có phương tiện nhập khẩu tăng 14,3%, tờ khai nhập khẩu tăng 16,0%, kim ngạch nhập khẩu

tăng 27,0% và số thu NSNN từ hoạt động Hải quan tăng 63,6%. Riêng khu vực cầu Bắc Luân II, phương tiện nhập cảnh có hàng tăng 31,3%, tờ khai nhập khẩu tăng 16,0%, kim ngạch nhập khẩu tăng 26,9% và số thu NSNN tăng 64,7%.

Thứ hai, tác động thu hút nguồn hàng và doanh nghiệp thể hiện rõ hơn tại nhóm doanh nghiệp được thành phố hỗ trợ, thu hút tại Hải quan cửa khẩu quốc tế Móng Cái. Giai đoạn từ ngày 28/4/2026 đến ngày 20/9/2026 so với giai đoạn trước ngày 28/4/2026, số tờ khai nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp này tăng từ 276 lên 690 tờ khai, tăng 150,0%; kim ngạch nhập khẩu tăng từ 156,0 triệu USD lên 453,7 triệu USD, tăng 190,9%; số thu NSNN từ hoạt động nhập khẩu tăng từ khoảng 391,0 tỷ đồng lên 1.393,7 tỷ đồng, tăng 256,4%. Có 04 doanh nghiệp mới¹ đưa hàng về địa bàn sau khi được thu hút, phát sinh 29 tờ khai, kim ngạch khoảng 17,9 triệu USD và số thu khoảng 95,8 tỷ đồng. Các số liệu này cho thấy trong thời gian Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND được thực hiện, cùng với các giải pháp thu hút doanh nghiệp, việc giảm chi phí tại cửa khẩu đã được triển khai trong một môi trường mà quy mô hoạt động nhập khẩu và số thu NSNN tại nhiều địa bàn tăng lên.

Thứ ba, đối với các nhóm hàng hóa xuất khẩu, kết quả thực hiện từ đầu năm 2026 cho thấy tổng số tờ khai xuất khẩu giảm 5,2% so với cùng kỳ; tại Lối mở Km3+4 Hải Yên, kim ngạch xuất khẩu hải sản giảm khoảng 72,1%, nông sản giảm 96,4% và hoa quả giảm 60,7%. Diễn biến này chịu tác động của nhiều nguyên nhân khách quan. Tuy nhiên, đây là căn cứ thực tiễn cho thấy cần có thêm giải pháp giảm chi phí và tạo thuận lợi cho hàng hóa xuất khẩu, nhất là đối với nhóm hàng nông sản, thủy hải sản, hoa quả có tính thời vụ, doanh nghiệp phải chịu nhiều khoản chi phí trong quá trình đưa hàng đến cửa khẩu như vận tải, bến bãi, lưu kho, bốc xếp, sang tải và các dịch vụ liên quan, trong khi chi phí có ảnh hưởng trực tiếp đến sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu, trong điều kiện doanh nghiệp có nhiều lựa chọn về tuyến vận chuyển và cửa khẩu, tổng chi phí và thời gian thông quan là những yếu tố quan trọng khi lựa chọn địa bàn xuất khẩu. Do đó, việc giảm một khoản phí tính theo lượt phương tiện sẽ góp phần giảm chi phí của doanh nghiệp, người sản xuất và đơn vị vận tải, qua đó hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa và tạo thêm lợi thế cạnh tranh cho cửa khẩu Quảng Ninh, khuyến khích doanh nghiệp tiếp tục duy trì nguồn hàng xuất khẩu hiện có và có khả năng thu hút thêm nguồn hàng từ các địa bàn khác về xuất khẩu qua Quảng Ninh, tạo điều kiện khai thác hiệu quả hơn hệ thống hạ tầng cửa khẩu và các dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics trên địa bàn.

Thứ tư, việc triển khai mức thu 0 đồng/lượt được đề xuất áp dụng đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quy định, qua đó hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động xuất khẩu mà không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND và tình hình thực tế. Việc nghiên cứu xây dựng Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu thành

¹ Công ty cổ phần thép Hoà Phát Hải Dương, Công ty cổ phần đầu tư phát triển máy Việt Nam, Công ty TNHH thương mại tài chính Hải Âu, Công ty Cổ phần tài chính Hoàng Huy.

phổ là cần thiết trên tổng thể các phương diện, nhằm: (1) Tiếp tục thực hiện chính sách giảm chi phí logistics, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu; (2) Đồng bộ chính sách mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với cả hai chiều vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu; (3) Bảo đảm nguồn lực để đơn vị thu phí thực hiện nhiệm vụ được giao và chi thường xuyên trong điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, trên cơ sở điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp với khả năng nguồn thu sau khi thực hiện điều chỉnh mức thu. Việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung từng nội dung vào Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND sẽ làm phát sinh văn bản gốc và văn bản sửa đổi, bổ sung cùng được áp dụng, gây khó khăn nhất định trong theo dõi, tổ chức thực hiện và rà soát chính sách.

Phương án đề xuất được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND, số liệu của cơ quan Hải quan, kết quả thu phí thực tế và dự kiến khả năng cân đối nguồn lực giai đoạn 2027 - 2028 của Ban Quản lý cửa khẩu. Việc áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa xuất khẩu không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, đồng thời phù hợp với định hướng giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp, duy trì và thu hút nguồn hàng xuất khẩu qua địa bàn Thành phố.

2. Đặc điểm tình hình, chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý thu phí

Ban Quản lý cửa khẩu thành phố Quảng Ninh (Sau đây gọi tắt là Ban Quản lý cửa khẩu)² là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý, tổ chức hoạt động của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh và sự chỉ đạo về chuyên môn của các cơ quan liên quan.

Ban Quản lý cửa khẩu hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật khác có liên quan và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Việc quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2.1. Chức năng, nhiệm vụ³

Vị trí chức năng: Ban Quản lý cửa khẩu giúp Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh tổ chức điều hành hoạt động tại các cửa khẩu, lối mở, lối thông quan biên giới trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật; làm đầu mối phối hợp giữa các cơ quan, lực lượng chức năng, chính quyền địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan nhằm bảo đảm hoạt động cửa khẩu thông suốt, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

² Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 Thành lập Ban Quản lý cửa khẩu tỉnh Quảng Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, Ban Quản lý cửa khẩu Hoàn Mỹ, Ban Quản lý cửa khẩu Bắc Phòng Sinh.

³ Quyết định số 2752/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý cửa khẩu tỉnh Quảng Ninh trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế.

Nhiệm vụ, quyền hạn: (1). *Thực hiện thống nhất quản lý các hoạt động tại cửa khẩu, lối mở, lối thông quan theo quy định của pháp luật, (2) Xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Nội quy cửa khẩu và tổ chức thực hiện Nội quy cửa khẩu sau khi được ban hành. (3) Tổ chức thực hiện điều hành, phối hợp hoạt động của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát đối với xuất nhập khẩu hàng hóa, xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải qua cửa khẩu, lối mở, lối thông quan theo quy định. (4) Bố trí địa điểm kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chức năng quản lý chuyên ngành tại cửa khẩu, lối mở, lối thông quan đảm bảo thống nhất, hợp lý, thông suốt, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu theo quy định của pháp luật. (5) Tổ chức phối hợp và giải quyết những vướng mắc phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên ngành của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở, lối thông quan. Thông báo cơ chế, chính sách và những chỉ đạo, điều hành của các cơ quan có liên quan đến các lực lượng chức năng và các tổ chức, cá nhân trong khu vực cửa khẩu, lối mở, lối thông quan. (6) Đảm bảo thời gian làm việc của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở, lối thông quan theo đúng quy định tại Nội quy cửa khẩu; phối hợp kiểm tra, kiểm soát trong cùng một thời gian đã được thống nhất giữa Ban Quản lý cửa khẩu với cơ quan quản lý cửa khẩu tương ứng phía Trung Quốc. (7) Tổng hợp ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan về các giải pháp điều hành hoạt động tại cửa khẩu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc kiến nghị với các ngành chức năng xử lý theo quy định của pháp luật. (8) Phối hợp với cơ quan có liên quan thực hiện việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý các hoạt động và thực hiện các cơ chế, chính sách về thương mại tại khu vực cửa khẩu, lối mở, lối thông quan. (9) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; xuất nhập cảnh người, phương tiện giao thông vận tải; hoạt động dịch vụ hỗ trợ thương mại; công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý cửa khẩu của nước có chung biên giới và các hoạt động khác tại cửa khẩu theo định kỳ hàng tháng; quý, sáu tháng và một năm hoặc đột xuất; các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất được gửi cơ quan có thẩm quyền quy định. (10) Báo cáo tình hình chấp hành về hành chính và công tác phối hợp đối với công chức, viên chức thuộc các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đến các cơ quan có liên quan, kiến nghị khen thưởng hoặc xử lý đối với những cá nhân hay lực lượng chức năng vi phạm hành chính hoặc không chấp hành Nội quy cửa khẩu. (11) Thực hiện công tác đối ngoại cửa khẩu; tổ chức hội đàm, trao đổi với cơ quan quản lý cửa khẩu tương ứng của nước có chung đường biên giới theo phân công hoặc ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền. (12) Bố trí, sắp xếp địa điểm làm việc; đảm bảo điện, nước và trang thiết bị dùng chung cho các lực lượng chức năng cửa khẩu làm việc tại cửa khẩu, lối mở, lối thông quan. (12) Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, lối mở, lối thông quan, điểm xuất hàng theo quy định của pháp luật. (14) Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự, thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật. (15) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh giao và theo quy định của pháp luật.*

2.2. Kết quả hoạt động thu – chi năm 2024-2025

Giai đoạn trước 01/7/2025, mô hình hoạt động của 03 Ban Quản lý cửa khẩu hoạt động hạch toán độc lập, Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Móng Cái trực thuộc UBND thành phố Móng Cái (Nay là chi nhánh Móng Cái); Ban Quản lý cửa khẩu Hoành Mô trực thuộc UBND huyện Bình Liêu (Nay là Chi nhánh Hoành Mô-Đồng Văn); Ban Quản lý cửa khẩu Bắc Phong Sinh trực thuộc UBND huyện Hải Hà (nay là chi nhánh Hoành Mô-Đồng Văn). Các đơn vị thực hiện tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Từ 01/7/2025, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, Ban Quản lý cửa khẩu thành phố Quảng Ninh⁴ trực thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, Ban Quản lý cửa khẩu Hoành Mô, Ban Quản lý cửa khẩu Bắc Phong Sinh. Theo đó về tổ chức bộ máy làm việc, số lượng người làm việc được tổ chức sắp xếp lại để phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao trong thời kỳ mới.

2.2.1. Hoạt động thu – chi năm 2024

a. Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Móng Cái

- Tổng số viên chức, người lao động có mặt: 60 người

- Hoạt động thu: Tổng số thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đạt: 209.967 triệu đồng, bằng 172,5% so với cùng kỳ, đạt 116,8% kế hoạch giao, Số nộp ngân sách (91%): 191.070 triệu đồng; số được để lại chi (9%): 18.897 triệu đồng; Thu dịch vụ đạt: 1.256 triệu đồng. Số nộp ngân sách (10%): 126 triệu đồng; số được để lại chi (90%): 1.130 triệu đồng

- Hoạt động chi: Tổng số tiền được trích để lại chi trên tổng số thu phí, thu dịch vụ: 20.027 triệu đồng, các khoản chi cụ thể như sau:

- + Nguồn kinh phí tự chủ: 15.353 triệu đồng
- + Nguồn kinh phí không tự chủ: 283 triệu đồng
- + Nguồn kinh phí chuyển năm sau: 2.301 triệu đồng
- + Chênh lệch thu – chi: 2.091 triệu đồng, trích lập các quỹ:
 - (+) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 704 triệu đồng
 - (+) Quỹ bổ sung thu nhập: 1.137 triệu đồng
 - (+) Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 250 triệu đồng

Năm 2024, mặc dù thu vượt chỉ tiêu kế hoạch giao (16,8%) nhưng tỷ lệ được trích để lại 9% tương ứng với tổng số nguồn kinh phí được sử dụng, đơn vị đã phải tiết kiệm và tiết giảm tối đa các chi phí, chỉ có thể đảm bảo các khoản chi tối thiểu, cấp bách duy trì hoạt động của các cửa khẩu lối mở, việc trích lập các khoản quỹ và chế độ cho người lao động đạt rất thấp. Tỷ lệ trích để lại đảm bảo đủ kinh phí chi hoạt động năm 2024 phải là 20% mới đảm bảo chi.

⁴ Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

b. Ban Quản lý cửa khẩu Hoàn Mô

- Tổng số viên chức, người lao động có mặt: 15 người.
- Tổng phí thu được: 8.846 triệu đồng, số phí nộp Ngân sách nhà nước: 7.961 triệu đồng; số phí 10% được trích để lại đơn vị: 885 triệu đồng;
- Số kinh phí được sử dụng: 2.449 triệu đồng, trong đó: số phí 10% được trích để lại: 885 triệu đồng; ngân sách huyện cấp bổ sung: 1.139 triệu đồng; nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang: 18 triệu đồng; các quỹ năm 2023 chuyển sang: 365 triệu đồng; lãi từ Tài khoản tiền gửi: 7 triệu đồng; thu từ thanh lý tài sản: 53 triệu đồng.
- Tổng chi năm 2024: 2.324 triệu đồng, trong đó: chi từ số phí 10% được trích để lại: 885 triệu đồng; chi từ nguồn huyện cấp bổ sung: 1.077 triệu đồng; chi tạm ứng từ nguồn cải cách tiền lương: 11 triệu đồng; chi từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 351 triệu đồng;
- Kinh phí còn lại chuyển sang năm 2025: 125 triệu đồng, trong đó: nguồn cải cách tiền lương: 7 triệu đồng; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 56 triệu đồng; hủy dự toán ngân sách Huyện cấp: 62 triệu đồng.

Năm 2024, nguồn thu và mức chi cơ bản tương đương năm 2023, do đó với tỷ lệ trích và số thu đạt thấp nên không đảm bảo nguồn kinh phí tự chủ, mức độ đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên so với dự toán chỉ đạt 38%.

c. Ban Quản lý cửa khẩu Bắc Phong Sinh

- Tổng số viên chức, người lao động có mặt: 15 người.
- Hoạt động thu: Tổng số thu đạt: 4.433 triệu đồng. Trong đó: Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đạt: 3.401 triệu đồng; Thu dịch vụ 1.302 triệu đồng. Số nộp ngân sách: 3.164 triệu đồng.
- Số kinh phí được sử dụng trong năm 2024: 1.439 triệu đồng. Trong đó: số năm 2023 chuyển sang: 170 triệu đồng; số phí hạ tầng 10% được trích để lại chi tại đơn vị: 340 triệu đồng; dịch vụ 90%: 929 triệu đồng.
- Hoạt động chi: Tổng số hoạt động chi trong năm 2024 là: 1.401 triệu đồng, cụ thể như sau: chi lương và các khoản thanh toán cá nhân: 1.230 triệu đồng; chi khác: 171 triệu đồng.
- Số kinh phí chuyển năm 2025: 38 triệu đồng.

Nguồn kinh phí không đủ chi cho các hoạt động tối thiểu, ảnh hưởng đến đời sống viên chức, người lao động và các hoạt động chung tại cửa khẩu.

2.2.2 Hoạt động thu – chi năm 2025

- a. Tổng số thu phí, thu dịch vụ từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 đạt: 150.011 triệu đồng; ước thực hiện năm 2025 đạt: 278.711 triệu đồng, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	CN Móng Cái	CN Hoành Mô	CN Bắc Phong Sinh	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025
1	Phần thu	143.355	4.327	2.29	150.010
1.1	Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	142.769	4.327	1.856	148.951
1.2	Thu dịch vụ	586	0	473	1.059
2	Số nộp ngân sách	119.219	3.307	1.206	123.732
2.1	Phần phí	119.161	3.307	1.159	123.626
2.2	Phần dịch vụ	59		47	106
3	Số được để lại chi	24.136	1.469	1.122	29.118
3.1	Phần Phí	23.609	1.020	649	25.325
-	Số năm trước chuyển sang	2.301	57	33	2.391
-	Ngân sách nhà nước cấp		449		449
3.2	Phần dịch vụ	527	0	425	953

b. Hoạt động chi từ nguồn trích để lại đơn vị thu phí

Tổng số kinh phí được để lại chi 6 tháng đầu năm 2025 là **29.118 triệu đồng**, số đã chi 12.131 triệu đồng; Dự kiến tổng nguồn kinh phí được chi năm 2025 là: **56.707 triệu đồng** (trong đó nguồn kinh phí từ năm 2024 chuyển sang: 2.391 triệu đồng), cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	CN Móng Cái	CN Hoành Mô	CN Bắc Phong Sinh	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện năm 2025
1	Chi thường xuyên giao tự chủ	7.543	1.319	1.029	9.882	29.999
2	Chi thường xuyên không giao tự chủ				98	10.098
3	Chênh lệch thu - chi	2.151			2.151	16.610
Cộng		9.694	1.319	1.029	12.131	56.707

Nguồn kinh phí để đảm bảo chi thường xuyên và chi hoạt động khác của Ban QLCK là tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Từ ngày 08/3/2025, tỷ lệ trích để lại được điều chỉnh tại Nghị Quyết số 51/2025/NQ-HĐND, kết quả như sau:

+ **Chi nhánh Móng Cái:** Với tỷ lệ trích lại 20% và nguồn thu tương đối ổn định, do đó nguồn kinh phí được trích để lại đơn vị đã chủ động được nguồn kinh phí chi thường xuyên và một số khoản chi theo chế độ cho viên chức, người lao động ở mức độ nhất định. Các hoạt động đầu tư, mua sắm, sửa chữa tại các cửa khẩu, lối mở theo quy định chưa được thực hiện do thực hiện nghiêm chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về việc quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả, tránh lãng phí nên 6 tháng đầu năm Ban quản lý cửa khẩu quốc tế Móng Cái (cũ) tạm dừng việc đầu tư, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, thuê mới tài sản cho đến khi hoàn thiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Tuy nhiên, nhiều hạng mục công trình trong khu vực cửa khẩu theo thời gian đã xuống cấp do giai đoạn trước không có kinh phí sửa chữa (do tỷ lệ trích để lại thấp), một số trang thiết bị phục vụ các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu cũng phải định kỳ bảo dưỡng, thay thế; dẫn tới một số bất cập về điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ hoạt động cửa khẩu.

+ **Chi nhánh Hoàng Mô:** Tỷ lệ trích lại 30% chỉ đáp ứng khoảng 65-70% nhu cầu chi thường xuyên, do nguồn thu đạt thấp, phụ thuộc nhiều vào chính sách biên mậu của Trung Quốc, mặc dù đơn vị đã thực hiện tiết kiệm và tiết giảm tối đa các khoản chi thường xuyên, đồng thời chi tạm ứng từ các nguồn quỹ cũng chưa đáp ứng yêu cầu các hoạt động chi tại cửa khẩu. Nhiều khoản chi phục vụ hoạt động chuyên môn như vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị chưa đáp ứng theo yêu cầu. 06 tháng đầu năm đơn vị cần NSNN (Ngân sách Huyện)⁵ cấp bù hỗ trợ chi lương và một số nội dung chi thường xuyên để duy trì hoạt động.

+ **Chi nhánh Bắc Phong Sinh:** Tỷ lệ trích để lại 45%, tuy nhiên với nguồn thu sự nghiệp đạt thấp nên đơn vị chỉ đảm bảo những khoản chi hạn hẹp, cấp thiết để duy trì hoạt động, không có nguồn kinh phí để trích lập các quỹ, dự phòng. Như vậy với tỷ lệ trích nêu trên chỉ đáp ứng 40% nhu cầu chi phục vụ hoạt động thường xuyên tại chi nhánh Bắc Phong Sinh.

Các nội dung chi: (1) Chi thường xuyên bao gồm (chi tiền điện, nước phục vụ hoạt động tại các cửa khẩu, lối mở; chi lương, văn phòng phẩm); (2) Đầu tư sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dùng chung cho các cửa khẩu, lối mở; (3) Đảm bảo cơ sở vật chất và các điều kiện cho các cửa khẩu, lối mở phục vụ các ngành khối cửa khẩu; (4) Đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường tại các cửa khẩu, lối mở.

c. Kết quả hoạt động thu – chi 6 tháng cuối năm 2025 và cả năm 2025:

Tổng số thu phí, thu dịch vụ năm 2025 là 332.347 triệu đồng, đạt: 119% so với kế hoạch, cụ thể:

⁵ Quyết định số: 1212/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND Huyện Bình Liêu về việc bố trí kinh phí chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và duy trì các hoạt động của Ban quản lý cửa khẩu Hoàng Mô.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện dự toán năm 2025		
		Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện 6 tháng cuối năm	Thực hiện năm 2025
A	Chỉ tiêu người làm việc (người)			91
1	Người làm việc, Hợp đồng 111, hợp đồng khác			91
B	Phần thu (triệu đồng)	148,951	181,514	330,465
I	Số nộp ngân sách, thuế	123,626	155,608	279,234
II	Số được để lại chi	25,382	28,207	53,589
1	Thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng	25,325	25,906	51,231
2	Số năm trước chuyển sang	57	2,301	2,358

d. Hoạt động chi từ nguồn trích để lại đơn vị thu phí

Tổng số kinh phí được để lại năm 2025 là **53.589 triệu đồng**, số đã chi 44.148 triệu đồng (trong đó: Năm trước chuyển sang 2.358 triệu đồng), cụ thể:

TT	Nội dung	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Thực hiện 6 tháng cuối năm	Thực hiện năm 2025 (ĐVT: Triệu đồng)
1	Chi thường xuyên giao tự chủ	9.646	12.190	21.835
2	Chi thường xuyên không giao tự chủ	0	2.924	2.924
3	Chênh lệch thu - chi	2.151	17.238	19.389
Cộng		11.797	32.352	44.148

Đánh giá chung: Năm 2025, việc điều chỉnh tỷ lệ trích lại cho các Ban quản lý cửa khẩu theo Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND chỉ có Chi nhánh Móng Cái (20%) cơ bản đảm bảo đủ kinh phí chi thường xuyên theo dự toán được phê duyệt, các nhiệm vụ chi không thường xuyên chưa được cân đối thực hiện do nguồn kinh phí còn hạn hẹp; Chi nhánh Hoàn Mô (30%) và chi nhánh Bắc Phong Sinh (45%) do nguồn thu phí đạt thấp nên tỷ lệ trích lại trên không đáp ứng được nguồn kinh phí chi thường xuyên tối thiểu cho hoạt động của các cửa khẩu, đặc biệt là chế độ tiền lương đối với viên chức, người lao động (cả hai chi nhánh tới thời điểm sắp xếp lại vẫn đang nợ lương tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2025 do không có kinh phí để chi trả cho người lao động). Tỷ lệ trích để lại của giai đoạn trước chưa đáp ứng được nhu cầu chi

hoạt động thường xuyên dẫn đến bất cập trong việc đảm bảo kinh phí tự chủ chung của các đơn vị. Do yêu cầu triển khai các nhiệm vụ tại các cửa khẩu, lối mở, lối thông quan ngày càng lớn dẫn đến nguồn kinh phí chi dự kiến để đảm bảo duy trì tất cả các hoạt động cửa khẩu là rất cao: Nhu cầu về tiêu thụ điện năng, nhiên liệu... lớn; nhu cầu về trang thiết bị, nâng cấp sửa chữa tăng cao, yêu cầu đảm bảo về cơ sở vật chất do nhiều hạng mục công trình trong khu vực cửa khẩu theo thời gian đã xuống cấp, trang thiết bị phục vụ cho các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu cũng phải định kỳ bảo dưỡng, thay thế...

C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NGHỊ QUYẾT HIỆN HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

1. Đối với Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND

Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn Thành phố theo hướng thống nhất, minh bạch, phù hợp quy định của pháp luật về phí và lệ phí; khắc phục được những bất cập của cơ chế trước đây. Các danh mục mức thu phí của Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND có tính đổi mới, ngắn gọn, đầy đủ, dễ thực hiện và phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Công tác thu phí được thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng mức thu; công khai, minh bạch; doanh nghiệp thuận lợi trong kê khai, nộp phí; quy trình quản lý được chuẩn hóa và ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần giảm thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả thực hiện. Nguồn thu từ phí hạ tầng tiếp tục là nguồn lực quan trọng phục vụ đầu tư, duy tu, vận hành và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng cửa khẩu, đồng thời bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện cơ chế tự chủ của Ban Quản lý cửa khẩu và các nhiệm vụ quản lý nhà nước tại khu vực cửa khẩu theo quy định. Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất cho việc tổ chức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn Thành phố theo hướng thống nhất, minh bạch, phù hợp quy định của pháp luật về phí và lệ phí; khắc phục được những bất cập của cơ chế trước đây. Các danh mục mức thu phí của Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND có tính đổi mới, ngắn gọn, đầy đủ, dễ thực hiện và phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Việc triển khai Nghị quyết cơ bản bảo đảm đúng đối tượng, mức thu và quy trình thu, nộp; công tác công khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện được duy trì, tạo điều kiện để doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghĩa vụ phí. Nguồn thu phí được sử dụng theo quy định, góp phần bảo đảm nguồn lực phục vụ công tác quản lý, vận hành, duy tu và cung cấp các dịch vụ tại khu vực cửa khẩu, đồng thời hỗ trợ bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ của đơn vị thu phí ...

Tuy nhiên, sau khi Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND được ban hành, một số nội dung của Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND đã được điều chỉnh, đặc biệt là mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời, yêu cầu thực tiễn về tiếp tục giảm chi phí logistics, tạo thuận lợi

cho hoạt động xuất khẩu và bảo đảm cân đối nguồn lực trong điều kiện thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát tổng thể chính sách phí.

Do đó, việc tiếp tục duy trì Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND cùng với các văn bản sửa đổi, bổ sung sẽ làm cho hệ thống quy định được áp dụng phải được đổi chiều giữa nhiều văn bản, nhất là khi tiếp tục điều chỉnh mức thu và cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu. Đây là cơ sở để xem xét xây dựng một Nghị quyết mới, hệ thống hóa đầy đủ các nội dung chính sách phí đang áp dụng và các nội dung điều chỉnh trong giai đoạn tới.

2. Đối với Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND

Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND thành phố về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh. Trọng tâm là áp dụng mức thu **0 đồng/lượt phương tiện** đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu đã thể hiện sự chủ động của Thành phố trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp, giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của cửa khẩu Quảng Ninh trong bối cảnh cạnh tranh thu hút nguồn hàng giữa các địa phương biên giới ngày càng gia tăng.

Trong thời gian thực hiện, việc áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa nhập khẩu được triển khai đồng bộ trong quy trình quản lý phí; không phát sinh thủ tục hành chính mới và không làm thay đổi quy trình kiểm tra, kiểm soát chuyên ngành của các cơ quan chức năng. Chính sách đã góp phần giảm một khoản chi phí trực tiếp trong tổng chi phí đưa hàng hóa qua cửa khẩu. Đây là yếu tố có ý nghĩa trong bối cảnh doanh nghiệp lựa chọn phương án logistics trên cơ sở tổng hợp nhiều yếu tố, trong đó có chi phí qua cửa khẩu, thời gian xử lý, năng lực thông quan, hạ tầng kho bãi, dịch vụ logistics và tính ổn định của chính sách.

Qua theo dõi thực tiễn triển khai, cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao chủ trương của Thành phố trong việc chủ động điều chỉnh chính sách phí theo hướng đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của cửa khẩu. Việc giảm chi phí qua cửa khẩu đã góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện để doanh nghiệp duy trì, mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, thu hút thêm nguồn hàng và phát triển các dịch vụ logistics, trung chuyển hàng hóa qua địa bàn thành phố. Việc áp dụng chính sách mức thu 0 đồng/ lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu đã làm giảm nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cửa khẩu, song hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn Thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực. Lưu lượng phương tiện, số lượng tờ khai, kim ngạch xuất nhập khẩu và số thu ngân sách từ hoạt động hải quan đều có xu hướng tăng; nhiều nhóm hàng có giá trị cao và doanh nghiệp tiếp tục mở rộng hoạt động qua các cửa khẩu của thành phố.

Những kết quả bước đầu cho thấy chính sách đã phát huy hiệu quả trong việc giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống cửa khẩu Quảng Ninh, từng bước thu hút nguồn hàng và thúc đẩy phát triển thương mại biên giới. Việc chủ động điều chỉnh nguồn thu phí hạ tầng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp không chỉ góp

phần nâng cao sức cạnh tranh của cửa khẩu mà còn hướng tới mục tiêu dài hạn là mở rộng quy mô hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển hệ sinh thái logistics, gia tăng nguồn thu ngân sách từ hoạt động thương mại biên giới và tạo nền tảng cho phát triển kinh tế cửa khẩu theo hướng bền vững. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện còn ngắn và hoạt động xuất nhập khẩu chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố thị trường, việc xác định mức độ đóng góp riêng của chính sách phí đối với sự gia tăng nguồn hàng cần tiếp tục được theo dõi, đánh giá bằng số liệu thực tế để xác định đầy đủ hiệu quả và tác động của chính sách trong trung và dài hạn.

Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND hiện mới quy định mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu. Trong khi đó, xét về bản chất của hoạt động logistics, một chuỗi vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu bao gồm cả chiều nhập khẩu và chiều xuất khẩu, chi phí phát sinh đối với từng chiều vận chuyển đều được tính vào tổng chi phí logistics của lô hàng. Vì vậy, việc nghiên cứu áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa xuất khẩu là bước tiếp theo nhằm bảo đảm tính thống nhất của chính sách đối với hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu. Trên cơ sở đó, đề xuất sửa đổi Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND theo hướng quy định mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu.

3. Kết quả thu phí và tác động của chính sách

3.1 Kết quả

Tổng số thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu từ ngày 01/01-30/9/2026 đạt: **215.621 triệu đồng** (thu từ phương tiện chở hàng hóa xuất nhập khẩu đạt: 60.142 triệu đồng; phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đạt: 155.479 triệu đồng) bằng **91%** so với cùng kỳ, đạt **65 %** kế hoạch dự toán giao năm 2026 (KH giao: 334.000 triệu đồng). Trong đó, số nộp ngân sách là: 161.716 triệu đồng; số được để lại chi là: 53.905 triệu đồng, cụ thể:

- Cơ cấu nguồn thu trước thời điểm Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND có hiệu lực (từ ngày 01/01 đến ngày 27/4/2026), tổng số thu phí đạt **99.478 triệu đồng**, bằng 102% so với cùng kỳ, trong đó thu từ phương tiện chở hàng hóa xuất nhập khẩu đạt **38.477 triệu đồng** (bằng 105% so với cùng kỳ) và thu từ phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đạt **61.001 triệu đồng** (bằng 100% so với cùng kỳ).

- Cơ cấu nguồn thu từ khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND (từ ngày 28/4 đến ngày 30/9/2026), tổng số thu phí đạt **116.143 triệu đồng**, bằng 83% so với cùng kỳ năm 2025 (giảm 17%); bằng 90% so với kỳ trước (giảm 10%). Trong đó, thu từ phương tiện chở hàng hóa xuất nhập khẩu đạt **18.665 triệu đồng**, bằng **40%** so với cùng kỳ năm 2025 (**giảm 60%**) và bằng 45% so với kỳ trước (**giảm 56%**); thu từ phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, KNQ, quá cảnh đạt **97.478 triệu đồng**, bằng 101% so với cùng kỳ năm 2025 và bằng 122% so với kỳ trước (tăng 22%).

(Biểu số liệu kèm theo tại Phụ lục I)

Qua kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND cho thấy, cơ cấu nguồn thu đã có sự thay đổi rõ rệt, phần giảm thu phí chủ yếu tập trung ở nhóm đối tượng được chính sách hỗ trợ (giảm khoảng 60%). Làm thay đổi tương quan giữa các nhóm đối tượng nộp phí so với thời điểm trước khi thực hiện Nghị quyết, từ chỗ tương đối cân bằng giữa hai nhóm đối tượng sang phụ thuộc chủ yếu vào nguồn thu từ phương tiện chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh. Sự chuyển dịch này phù hợp với tác động dự kiến của chính sách khi ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND, trong đó chi phí trực tiếp của doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua cửa khẩu được giảm, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống cửa khẩu trên địa bàn. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn thu hiện nay cũng cho thấy mức độ phụ thuộc lớn vào lưu lượng hàng hóa tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh. Đây là nhóm hàng hóa có tính đặc thù, lưu lượng hàng hóa và phương tiện chịu tác động trực tiếp của nhu cầu thị trường, các chính sách quản lý thương mại và chính sách kiểm soát biên mậu của phía liên quan. Đặc biệt, đối với hoạt động xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc, việc điều chỉnh chính sách quản lý, kiểm soát cửa khẩu, tiêu chuẩn hàng hóa, phương thức thông quan hoặc tổ chức giao nhận phía Trung Quốc có thể làm thay đổi nhanh lưu lượng hàng hóa và phương tiện qua cửa khẩu. Vì vậy, nguồn thu từ các loại hình này có thể biến động theo từng thời kỳ và chưa thể coi là nguồn thu ổn định để dự báo dài hạn. Do đó, phương án cân đối thu - chi của đơn vị thu phí được xây dựng trên cơ sở đánh giá lưu lượng phương tiện, hàng hóa theo từng loại hình xuất nhập khẩu, cơ cấu nguồn thu thực tế và các yếu tố có khả năng tác động đến hoạt động thương mại biên giới, để cân đối đảm bảo khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và không làm thay đổi mục tiêu, định hướng hỗ trợ chi phí đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua địa bàn.

Theo dự toán được UBND thành phố giao tại Quyết định số 4869/QĐ-UBND ngày 22/12/2025, kế hoạch thu phí năm 2026 là **334.000 triệu đồng**. Sau khi Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 28/4/2026, quy định mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng, nguồn thu phí giảm đáng kể so với dự toán ban đầu. Dự kiến khả năng thực hiện trong năm 2026 đạt **268.000 triệu đồng**, đạt 80% kế hoạch giao, bằng **81%** so với cùng kỳ 2025. Dự toán thu phí năm 2026 được xây dựng trước thời điểm thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 có hiệu lực nên không còn phản ánh đầy đủ cơ cấu nguồn thu, số thu thực tế sau khi chính sách được điều chỉnh.

3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Chính sách áp dụng mức thu 0 đồng/ lượt phương tiện chở hàng xuất nhập khẩu sẽ làm nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu giảm đáng kể, trong khi yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cửa khẩu ngày càng gia tăng cả về quy mô, yêu cầu quản lý và mức độ ứng dụng công nghệ, nhất là các nhiệm vụ về cửa khẩu thông minh, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống thu phí điện tử, camera giám sát... Đồng thời, cơ cấu nguồn thu chuyển dịch mạnh sang các loại hình tạm nhập, tái xuất, kho ngoại quan và quá cảnh. Đây là những loại hình có tính biến động cao, phụ thuộc lớn vào tình hình thị trường và

chính sách biên mậu phía Trung Quốc, dẫn đến nguồn thu thiếu ổn định, khó dự báo và bảo đảm cân đối nguồn lực cho đơn vị thu phí.

Thời gian thực hiện Nghị quyết chưa dài nên chưa đủ cơ sở để đánh giá toàn diện tác động của chính sách đối với tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút doanh nghiệp, phát triển dịch vụ logistics và hiệu quả khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng cửa khẩu trong trung và dài hạn. Hiện nay, việc đánh giá hiệu quả thực hiện Nghị quyết chủ yếu dựa trên các chỉ tiêu về số thu phí, kim ngạch xuất nhập khẩu, số lượng phương tiện và số thu ngân sách từ hoạt động Hải quan. Trong giai đoạn tiếp theo cần đánh giá đầy đủ về tổng mức giảm chi phí logistics của doanh nghiệp, số doanh nghiệp mới, nguồn hàng mới chuyển về thực hiện xuất nhập khẩu qua địa bàn, thời gian thực hiện thông quan một lô hàng và hiệu quả lan tỏa đối với phát triển dịch vụ logistics.

Dự toán thu phí năm 2026 được xây dựng trước thời điểm thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 có hiệu lực nên không còn phản ánh đầy đủ cơ cấu nguồn thu, số thu thực tế sau khi chính sách được điều chỉnh. Do đó, việc đánh giá kết quả thực hiện dự toán cần được rà soát, cập nhật theo chính sách thực tiễn triển khai, bảo đảm phản ánh đúng khả năng thu của đơn vị, tránh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở chỉ tiêu thu không còn phù hợp với chính sách đã được điều chỉnh.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu xuất phát từ yêu cầu thực hiện chủ trương điều chỉnh chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh của cửa khẩu; đồng thời chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan như biến động thương mại quốc tế, chính sách quản lý biên giới của phía Trung Quốc và thời gian thực hiện chính sách còn ngắn. Do đó, cần tiếp tục theo dõi, đánh giá trong thời gian tới để có cơ sở hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế cửa khẩu của Thành phố.

4. Kết quả hoạt động XNK qua các cửa khẩu, lối mở, lối thông quan

Theo số liệu của Chi cục Hải quan Khu vực VIII, từ khi Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND có hiệu lực đến nay, nhiều chỉ tiêu hoạt động xuất nhập khẩu và số thu NSNN tại các cửa khẩu tiếp tục tăng so với giai đoạn trước, được coi là một trong những cơ sở thực tiễn để đánh giá tác động bước đầu của chính sách.

4.1. Đánh giá theo từng địa bàn so với thời điểm trước khi áp dụng Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND

- Tại Khu vực cầu Bắc Luân II (Cửa khẩu quốc tế Móng Cái) có mức tăng rõ ở chiều nhập khẩu: bình quân ngày phương tiện nhập cảnh có hàng tăng 31,3%; tờ khai nhập khẩu tăng 16,0%; kim ngạch nhập khẩu tăng 26,9%; thu NSNN tăng 64,7%.

- Tại Lối mở Km3+4 Hải Yên, quy mô nhập khẩu còn nhỏ; tuy nhiên, bình quân ngày phương tiện nhập cảnh có hàng tăng 69,0%, tờ khai nhập khẩu tăng 19,0% và kim ngạch nhập khẩu tăng 32,2%.

- Tại Lối thông quan Bắc Phong Sinh: Tăng ở các chỉ tiêu nhập khẩu, tương ứng phương tiện nhập cảnh có hàng tăng 46,9%; tờ khai tăng 41,3%; kim ngạch tăng 86,3%; Thu NSNN tăng 76,3% theo bình quân ngày.

- Tại cửa khẩu Hoàn Mô: Bình quân ngày phương tiện nhập cảnh có hàng giảm 9,3%, nhưng tờ khai nhập khẩu tăng 10,3%, kim ngạch nhập khẩu tăng 27,3% và thu NSNN tăng 43,6%.

4.2. Đối với các doanh nghiệp được hỗ trợ thu hút

Nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ thu hút chủ yếu tập trung tại Hải quan Cửa khẩu quốc tế Móng Cái. Trong giai đoạn từ 28/4/2026 đến 30/9/2026 so với giai đoạn trước ngày 28/4/2026, tổng số tờ khai nhập khẩu phát sinh tăng từ 276 lên 690 tờ khai, tăng 150,0%; kim ngạch nhập khẩu tăng từ 156,0 triệu USD lên 453,7 triệu USD, tăng 190,9%; thu NSNN phát sinh từ hoạt động nhập khẩu của nhóm doanh nghiệp được hỗ trợ thu hút tăng từ khoảng 391,0 tỷ đồng lên 1.393,7 tỷ đồng, tăng 256,4%. Đáng chú ý, có 04 doanh nghiệp mới đưa hàng về sau khi được thu hút, chủ yếu nhập khẩu ô tô, máy móc, thiết bị, phát sinh 29 tờ khai, kim ngạch khoảng 17,9 triệu USD và số thu khoảng 95,8 tỷ đồng.

4.3. Số thu NSNN và cơ cấu hàng hóa

- Tại Khu vực cầu Bắc Luân II (Cửa khẩu quốc tế Móng Cái): Tổng số thu NSNN giai đoạn từ 28/4-30/9/2026 đạt khoảng 2.050,6 tỷ đồng; bình quân ngày tăng 64,7% so với thời điểm trước khi áp dụng Nghị quyết 04; ba nhóm hàng được quan tâm thu hút (gồm: điện thoại, ô tô/sơ mi rơ moóc và máy móc thiết bị) đều là nhóm hàng nhập khẩu, chiếm khoảng 82,5% số thu tại địa bàn.

Cơ cấu hàng hóa tại Bắc Luân II chuyển dịch theo hướng tăng mạnh một số nhóm nhập khẩu có giá trị cao và hàng xuất khẩu có yếu tố mùa vụ khá rõ ràng. Bên cạnh đó, các nhóm hàng xuất khẩu truyền thống qua Lối mở Km3+4 Hải Yên giảm mạnh, trong đó kim ngạch hải sản giảm khoảng 72,1%, nông sản giảm 96,4% và hoa quả giảm khoảng 60,7%; tỷ trọng của 03 nhóm hàng này trong kim ngạch xuất khẩu giảm từ 39,3% xuống 7,1%.

- Tại cửa khẩu Hoàn Mô, số thu NSNN tăng từ khoảng 53,77 tỷ đồng lên 96,32 tỷ đồng, tổng số thu tăng khoảng 79,1%, bình quân ngày tăng 43,6%; trong đó máy móc chuyên dùng đã qua sử dụng tiếp tục là nhóm đóng góp chủ yếu, đồng thời số thu từ các mặt hàng như lốp, phụ tùng ô tô và gạch ốp lát đều tăng.

- Tại lối thông quan Bắc Phong Sinh, số thu NSNN tăng từ khoảng 13,34 tỷ đồng lên 29,33 tỷ đồng, tổng số tăng khoảng 119,9%, bình quân ngày tăng 76,3%; các nhóm mặt hàng lốp ô tô, máy móc chuyên dùng đã qua sử dụng, giày dép, phụ tùng ô tô và máy móc xây dựng đóng góp đáng kể vào số thu.

(Biểu số liệu kèm theo tại Phụ lục II)

4.4. Đánh giá chung

Qua số liệu thực tế từ ngày 28/4/2026 đến ngày 30/9/2026, chính sách mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu đã cho thấy tác động tích cực. Chính sách đã góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp, tạo thuận

lợi cho việc đưa hàng hóa nhập khẩu về làm thủ tục qua các cửa khẩu trên địa bàn, đồng thời hỗ trợ công tác thu hút doanh nghiệp và nguồn hàng. Cụ thể như tại Khu vực cầu Bắc Luân II, bình quân ngày phương tiện nhập khẩu tăng 32,5%, tờ khai nhập khẩu tăng 16,3%, kim ngạch nhập khẩu tăng 26,9% và số thu NSNN tăng 64,9%. Tại Bắc Phong Sinh và Hoàn Mô, các chỉ tiêu về tờ khai, kim ngạch nhập khẩu và số thu NSNN cũng có mức tăng tích cực.

Đặc biệt, tại Hải quan Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, nhóm doanh nghiệp được Thành phố hỗ trợ thu hút có số tờ khai nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu và số thu NSNN tăng mạnh; đồng thời đã có thêm doanh nghiệp mới đưa hàng về địa bàn sau khi được hỗ trợ thu hút.

Từ kết quả trên có thể thấy chính sách mức thu 0 đồng/lượt đã phát huy hiệu quả hỗ trợ rõ rệt, góp phần nâng cao sức hấp dẫn của các cửa khẩu, giảm chi phí cho doanh nghiệp và tạo điều kiện tăng hoạt động nhập khẩu qua địa bàn.

Trên cơ sở kết quả đạt được, đề nghị tiếp tục duy trì chính sách mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu theo thời hạn quy định tại Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND.

Việc tiếp tục thực hiện chính sách sẽ góp phần duy trì lợi thế cạnh tranh của các cửa khẩu trên địa bàn, hỗ trợ giữ chân các doanh nghiệp đang hoạt động, đồng thời tạo điều kiện thu hút thêm doanh nghiệp và nguồn hàng mới về làm thủ tục. Qua đó, góp phần tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, tăng số thu NSNN và nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực cửa khẩu.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu có diễn biến không ổn định: Tổng tờ khai xuất khẩu từ đầu năm giảm 5,2% so với cùng kỳ và bình quân ngày trước và sau ngày 28/4/2026 cơ bản không tăng; riêng tại Lối mở Km3+4 Hải Yên, các nhóm hải sản, nông sản, hoa quả giảm mạnh, trong khi một số nhóm nông sản tại Bắc Phong Sinh và hoa quả tại Bắc Luân 2 tăng theo mùa vụ. Để tăng tính cạnh tranh, thu hút hàng hóa xuất khẩu về làm thủ tục trên địa bàn để nâng cao lợi ích kinh tế cho các ngành nghề kinh doanh liên quan trên địa bàn, có thể xem xét áp dụng chính sách 0 đồng/lượt phương tiện đối với một số mặt hàng xuất khẩu trọng điểm như nông sản, thủy hải sản, hoa quả...

Như vậy, trên các chỉ tiêu đánh giá nêu trên có sự đồng thời giữa việc giảm nguồn thu phí hạ tầng và sự gia tăng quy mô hoạt động nhập khẩu, kim ngạch và số thu NSNN tại nhiều địa bàn cho thấy chính sách giảm chi phí được triển khai cùng các giải pháp thu hút doanh nghiệp và cải thiện điều kiện thông quan, chính sách đã tạo thêm điều kiện để doanh nghiệp đưa hàng về địa bàn. Đây là cơ sở thực tiễn để tiếp tục duy trì chính sách đối với phương tiện hàng hóa nhập khẩu và nghiên cứu mở rộng điều chỉnh đối với phương tiện hàng hóa xuất khẩu.

Ngoài ra, cũng cần tiếp tục kết hợp chính sách phí với các giải pháp về nâng cấp hạ tầng, bến bãi, luồng tuyến, rút ngắn thời gian thông quan, hỗ trợ doanh nghiệp và tăng cường phối hợp với phía Trung Quốc để nâng cao hơn nữa hiệu quả của chính sách.

5. Mức độ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tiễn

Qua rà soát các quy định liên quan và thực tiễn triển khai, Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 và Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 được xây dựng, ban hành trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố và cơ bản phù hợp với pháp luật về phí, lệ phí và yêu cầu thực tiễn của hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn Thành phố.

Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND được ban hành trong bối cảnh Thành phố cần hoàn thiện cơ chế thu phí hạ tầng tại khu vực cửa khẩu theo hướng thống nhất, minh bạch, dễ thực hiện, đồng thời tạo nguồn lực để duy trì, vận hành và đầu tư kết cấu hạ tầng cửa khẩu. Qua thực hiện, cơ chế này cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, tạo được sự thống nhất trong tổ chức thu phí và thuận lợi cho doanh nghiệp trong kê khai, nộp phí.

Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động xuất nhập khẩu cho thấy chi phí logistics tiếp tục là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và khả năng thu hút nguồn hàng về địa bàn Thành phố. Trong điều kiện các địa phương có cửa khẩu biên giới ngày càng cạnh tranh về thời gian thông quan, chi phí dịch vụ và điều kiện hạ tầng, dịch vụ phụ trợ, yêu cầu đặt ra là cụ thể hóa mục tiêu tổng thể trong việc thu hút nguồn hàng hóa, doanh nghiệp và mở rộng hoạt động thương mại biên giới. Trên cơ sở đó, việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND điều chỉnh mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng quy định là phù hợp với yêu cầu thực tế tại thời điểm ban hành. Đây là sự điều chỉnh theo hướng giảm chi phí trực tiếp cho doanh nghiệp, tạo thêm điều kiện để doanh nghiệp lựa chọn cửa khẩu Quảng Ninh thực hiện thủ tục xuất nhập khẩu và trung chuyển hàng hóa. Hồ sơ xây dựng Nghị quyết cũng xác định rõ mục tiêu của việc điều chỉnh chính sách là giảm chi phí logistics, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút nguồn hàng và tạo động lực phát triển các dịch vụ liên quan.

Để bảo đảm tính thống nhất, ổn định và đồng bộ của chính sách thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu, đề nghị tiếp tục thực hiện chính sách mức thu 0 đồng/lượt đối với các phương tiện thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND đến hết ngày 31/12/2028; đồng thời mở rộng áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu qua khu vực cửa khẩu trên địa bàn bảo đảm tính ổn định của chính sách, tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh và tổ chức hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn Thành phố, đến cuối năm 2028. Sau đó, trên cơ sở tổng kết, đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện, tác động của chính sách đối với hoạt động xuất nhập khẩu, doanh nghiệp, nguồn thu ngân sách và khả năng bảo đảm nguồn lực duy trì, vận hành hệ thống công trình kết cấu hạ tầng, dịch vụ, tiện ích công cộng tại khu vực cửa khẩu, tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét việc tiếp tục thực hiện, điều chỉnh hoặc thay thế chính sách cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

D. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Tên Đề án: Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

2. Nội dung

2.1. Quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu là đối tượng chịu phí được quy định tại mục 1 Điều 3 Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND: 0 đồng/lượt phương tiện.

Căn cứ xây dựng mức thu phí: Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về phí và lệ phí. Mức thu phí được xác định phù hợp với quy định của Luật Phí và Lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành; bảo đảm đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố trong việc quyết định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Đồng bộ với chính sách đã được Hội đồng nhân dân thành phố quy định tại Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu.

Căn cứ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, việc xây dựng mức thu phí phải phù hợp với định hướng cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistics và thương mại biên giới.

Căn cứ thực tiễn hoạt động tại các cửa khẩu thành phố Quảng Ninh, hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu Móng Cái, cầu Bắc Luân, các lối mở và điểm thông quan có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của thành phố. Tuy nhiên, lưu lượng hàng hóa còn phụ thuộc lớn vào chi phí và chính sách điều hành. Việc áp dụng mức thu 0 đồng sẽ tạo điều kiện thu hút, gia tăng lưu lượng hàng hóa, khai thác hiệu quả hạ tầng cửa khẩu và hệ thống logistics.

2.2. Mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu đối với các đối tượng còn lại tại mục 1 và mục 2, mục 3 Điều 3 Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND, thực hiện như quy định tại Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND.

2.3. Quy định tỷ lệ trích để lại cho đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí: đề nghị tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí giai đoạn 2027-2028 là 40% trên tổng số phí thu được trong năm, số còn lại nộp ngân sách theo quy định.

Cơ sở đề xuất: Việc đề xuất tỷ lệ để lại 40% trên tổng số phí thu được trong năm do việc áp dụng mức thu 0 đồng/lượt đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu và dự kiến mở rộng đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu làm giảm đáng kể nguồn thu trực tiếp từ hai nhóm phương tiện này, đồng thời thay đổi cơ cấu nguồn thu của đơn vị. **(khoảng trên 56%: số thu đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu giảm khoảng 40%; hàng hóa xuất khẩu giảm khoảng 16%)** tại Ban Quản lý cửa khẩu. Trong khi đó, Ban Quản lý cửa khẩu vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ quản lý, điều hành, phối hợp lực lượng, duy

trì hoạt động và cơ sở vật chất tại cửa khẩu, các nhiệm vụ vận hành, thu phí, chuyển đổi số, duy trì hệ thống kỹ thuật và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

2.3.1. Dự kiến thu, chi năm 2027 – 2028 của Ban quản lý cửa khẩu theo tỷ lệ để lại đề xuất điều chỉnh 40%.

(1) Dự kiến tổng kinh phí đề xuất được để lại phục vụ các khoản chi: 129.844 triệu đồng (trong đó năm 2027: 62.500 triệu đồng, bằng 81% so với năm 2026; năm 2028: 67.344 triệu đồng, bằng 88% so với năm 2026 và bằng 108% so với năm 2027) các khoản cụ thể như sau:

- Nguồn kinh phí tự chủ: 38.445 triệu đồng
- Nguồn kinh phí không tự chủ: 91.399 triệu đồng

(2) Tổng các khoản thu phí và thu dịch vụ 2027 – 2028 dự kiến được là: 324.610 triệu đồng (trong đó, năm 2027: 156.205 triệu đồng, bằng 58% so với năm 2026 và bằng 47% so với năm 2025; Năm 2028: 168.360 triệu đồng, bằng 63% so với năm 2026 và bằng 51% so với năm 2025)

- Số nộp đề xuất nộp ngân sách là: 194.766 triệu đồng; số đề xuất trích để lại chi là: 129.844 triệu đồng. Như vậy, tỷ lệ trích để lại cho Ban Quản lý cửa khẩu đảm bảo duy trì hoạt động bình thường các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn thành phố năm 2027-2028 đề xuất là 40%.

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Đánh giá/phân tích
1	Dự kiến tổng số thu phí	268	156	170	Giảm mạnh do dự kiến giảm thu phí hàng nhập và hàng xuất
2	Nhu cầu chi thực tế để vận hành	67	63	67	Đơn vị cố định mức chi, không tăng thêm
3	Tỷ lệ trích lại đề xuất	25%	40%	40%	Tăng tỷ lệ để đảm bảo dòng tiền chi (Mục 2).
4	Số tiền nộp NSNN	201	93	103	Nhà nước vẫn thu được nguồn phí hạ tầng cửa khẩu sau khi trừ chi phí.

Ban Quản lý cửa khẩu là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, phải chủ động cân đối nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành tại các cửa khẩu, lối mở và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao. Việc giảm nguồn thu trong khi vẫn phải bảo đảm các khoản chi cần thiết để duy trì hoạt động đặt ra yêu cầu rà soát tỷ lệ để lại phù hợp với khả năng cân đối tài chính của đơn vị.

*** Lý do dự kiến tổng số chi năm 2027-2028:** (1) Tăng lương theo định kỳ của cán bộ, viên chức và các khoản đóng góp theo lương; (2) Tăng mức lương cơ sở theo theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ (gồm lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương); (3) Chi phí hoạt động thường xuyên phục vụ các cửa khẩu (trong đó tiền điện tăng do đã bố trí thêm luồng khách du lịch được xuất nhập cảnh qua cửa khẩu Bắc Luân II (thuộc Cửa khẩu quốc tế Móng Cái); (4) Chi mua trang thiết bị phục vụ cho các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu, Chi sửa chữa đầu tư mua sắm nhiều vì các công trình trong khu vực cửa khẩu theo thời gian đã xuống cấp, phải định kỳ bảo dưỡng, thay thế; (5) Việc nâng cấp, mở rộng, sửa chữa các cửa khẩu Bắc luân I, Bắc Luân II; lối mở Cầu Phao tạm Km3+4 Hải Yên dẫn đến tăng chi phí cơ sở vật chất và các chi phí điện nước, vật tư...; (6) Chi phí duy tu bảo dưỡng hệ thống điện nước và các hạng mục khác trong cửa khẩu do xuống cấp, đến nay phải duy trì bảo dưỡng thường xuyên như hệ thống điện, nước, điện trang trí, xử lý hệ thống thấm dột tại các cửa khẩu (nhà liên ngành Bắc Luân 2 hiện thấm dột rất nặng); (7) Tăng chi phí hoạt động thường xuyên do biến động tăng về giá cả vật tư, công cụ dụng cụ, nhiên liệu theo cơ chế thị trường ...; (8) Chi bổ sung thu nhập, chi phúc lợi, khen thưởng; (9) Mua thiết bị PCCC và bảo hiểm PCCC tăng (do bắt buộc phải mua bảo hiểm PCCC cho tài sản trụ sở nhà làm việc liên ngành). (10) Cửa khẩu Hoàn Mỹ, cửa khẩu Bắc Phong Sinh cần hoàn thiện các điều kiện để phát triển kinh tế thương mại, biên mậu sau khi đã công bố thành công cấp cửa khẩu song phương Hoàn Mỹ (Việt Nam) - Đông Trung (Trung Quốc). Hiện trạng Nhà kiểm soát liên ngành cửa khẩu Bắc Phong Sinh hiện nay đã xuống cấp, một số vị trí hạng mục đã không còn đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phòng cháy chữa cháy chưa đủ điều kiện trong việc phòng cháy chữa cháy tại cửa khẩu, lộ trình thực hiện đề án cửa khẩu số và cửa khẩu thông minh theo chỉ đạo của Chính phủ, của thành phố, cải tạo, nâng cấp, trang sắm, đầu tư các nội dung liên quan đến chuyên môn, hạ tầng cửa khẩu trên cơ sở tuân thủ các quy định chung về tự chủ. Từng bước mở rộng phạm vi hoạt động, đa dạng hóa dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao vị thế mô hình cửa khẩu văn minh, hiện đại, xứng tầm hội nhập quốc tế.

Tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định: Trường hợp chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ đảm bảo chi phí cho hoạt động cung cấp, dịch vụ thu phí của tổ chức thu phí hoặc tồn dư sử dụng không hết chuyển từ năm trước sang năm sau qua các năm, cơ quan có thẩm quyền thực hiện điều chỉnh tỷ lệ để lại phù hợp. Do đó, đề xuất tỷ lệ để lại 40% giai đoạn 2027 – 2028 phù hợp với quy định do chính sách điều chỉnh mức thu phí của thành phố nhằm thực hiện chính sách giảm chi phí logistics, hỗ trợ doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; trong đó quy định thống nhất mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu, làm thay đổi cơ cấu và giảm nguồn thu rất lớn so với dự toán trước khi thực hiện chính sách 0 đồng. Đồng thời, phương án này gắn với yêu cầu tiếp tục rà soát tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm chi thường xuyên và nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí; không làm thay đổi trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn thu đúng mục đích, chế độ và quy định pháp luật. Trước khi kết thúc thời gian thực hiện chính sách mức thu 0 đồng/lượt phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu (31/12/2028), Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì tham mưu UBND thành phố tổ chức tổng kết, đánh giá tổng thể và nghiên cứu chính sách phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trên phạm vi toàn thành phố cho phù hợp với bối cảnh chung và đề xuất cơ chế điều tiết tỷ lệ phù hợp.

Giải pháp cân đối hoạt động thu - chi: Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và chỉ đạo của Thành phố về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, Ban Quản lý cửa khẩu thành phố Quảng Ninh đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi thường xuyên và tăng cường tự chủ tài chính. Triển khai ngay việc rà soát sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế với mục tiêu giảm toàn bộ biên chế dôi dư sau sắp xếp lại từ khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp (từ ngày 01/7/2025) đến nay, Ban Quản lý cửa khẩu đã thực hiện tinh giản được 21/91 biên chế (tương đương 23%). Đồng thời tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ tại cửa khẩu, từng bước tự động hóa các khâu kiểm soát phương tiện, quản lý dữ liệu, qua đó giảm nhu cầu sử dụng lao động trực tiếp. Việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ, nâng cao hiệu quả hoạt động sẽ góp phần tiết kiệm chi thường xuyên, giảm áp lực về kinh phí hoạt động, thực hiện tiết kiệm tối đa các khoản chi khác để đảm bảo cân đối nguồn kinh phí hoạt động chi thường xuyên.

Dự kiến lộ trình tiếp tục tinh giản bộ máy, biên chế của Ban Quản lý cửa khẩu giai đoạn 2026-2030: Yêu cầu đến năm 2030 tinh giảm 50% số biên chế viên chức được giao và số hợp đồng lao động theo chỉ đạo của UBND thành phố (tương đương giảm 45 người làm việc, dự kiến tổng số người làm việc còn lại là 46 người), cụ thể:

- Năm 2026: Đến ngày 01/9/2026 đã thực hiện tinh giản được 21/91 người làm việc (tương đương 23%). Từ nay đến 31/12/2026 phấn đấu thực hiện tinh giảm còn tổng số 64/91 người làm việc (tương đương cắt giảm 30% số lượng được giao).

- Giai đoạn 2027-2030: Tiếp tục thực hiện lộ trình tinh giản, phấn đấu giảm thêm tối thiểu 20%, tương đương giảm thêm 18 người làm việc (bằng 50% trên tổng số biên chế được giao). Việc tinh giản biên chế giai đoạn 2027-2030 dự kiến thực hiện trên cơ sở đánh giá thực tế khối lượng công việc, tổ chức quản lý và vận hành cửa khẩu, mức độ triển khai mô hình cửa khẩu thông minh, chuyển đổi số. Trong quá trình thực hiện, tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, vị trí việc làm và mức độ đáp ứng của đội ngũ viên chức, người lao động để rà soát, đề xuất điều chỉnh cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc cho phù hợp, bảo đảm mục tiêu tinh gọn bộ máy.

Đối với việc tiếp tục mở rộng thực hiện chính sách áp dụng mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng là 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa xuất khẩu, tiếp tục làm giảm nguồn thu trực tiếp từ phí khoảng 16% trên tổng số thu phí tại Ban Quản lý cửa khẩu. Trước tình hình đó, Ban Quản lý cửa khẩu sẽ chủ động cơ cấu lại các khoản chi, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, giảm chi hành chính, chi hội họp, công tác phí, điện nước, thuê dịch vụ... Đồng thời, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; quản lý chặt chẽ dự toán, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết

kiệm, hiệu quả, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, gắn trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng kinh phí. Việc tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ, cùng với đẩy mạnh chuyển đổi số, sẽ tạo dư địa tiết kiệm chi thường xuyên, góp phần bù đắp phần giảm thu do thực hiện chính sách thu phí 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước tại cửa khẩu ngày càng gia tăng cả về quy mô, yêu cầu quản lý và mức độ ứng dụng công nghệ, nhất là các nhiệm vụ về cửa khẩu thông minh, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống thu phí điện tử, camera giám sát.... đồng thời, cơ cấu nguồn thu chuyển dịch mạnh sang các loại hình tạm nhập, tái xuất, kho ngoại quan và quá cảnh. Đây là những loại hình có tính biến động cao, phụ thuộc lớn vào tình hình thị trường và chính sách biên mậu phía Trung Quốc, dẫn đến nguồn thu thiếu ổn định, gây khó khăn trong việc dự báo và cân đối nguồn kinh phí để Ban Quản lý cửa khẩu bảo đảm chi thường xuyên.

Do đó, Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh đề nghị điều chỉnh tỷ lệ trích để lại cho đơn vị thu phí từ ngày 01/01/2027 trên cơ sở rà soát đầy đủ nhu cầu kinh phí thực tế hoạt động của Ban Quản lý cửa khẩu. Việc xác định tỷ lệ để lại căn cứ vào khối lượng, phạm vi nhiệm vụ được giao; số lượng biên chế và yêu cầu bố trí nhân lực; chi phí quản lý, vận hành tại các cửa khẩu và khả năng cân đối nguồn thu. Trên cơ sở kết quả rà soát, xây dựng phương án tỷ lệ để lại phù hợp, bảo đảm đơn vị thu phí có đủ nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được giao. Việc xác định tỷ lệ mới cần được hoàn thiện để áp dụng thống nhất từ ngày 01/01/2027, thời điểm tỷ lệ để lại theo quy định hiện hành hết hiệu lực trong năm 2026, qua đó bảo đảm tính liên tục của nguồn kinh phí và không ảnh hưởng đến hoạt động quản lý, vận hành tại các cửa khẩu.

(Phụ lục số 2: Biểu dự toán thu, chi năm 2026 và năm 2027 -2028 kèm theo)

3. Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí

Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu được thực hiện đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng các công trình, dịch vụ, tiện ích công cộng thuộc phạm vi quy định của Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND.

Việc xác định phương tiện thuộc đối tượng chịu phí, quản lý phương tiện và thực hiện thu phí được thực hiện thông qua quy trình quản lý phương tiện tại cửa khẩu, kết hợp với dữ liệu quản lý phương tiện, hàng hóa của các lực lượng chức năng tại khu vực cửa khẩu.

Đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu thuộc diện áp dụng mức thu 0 đồng, cơ quan tổ chức thu phí xác định đối tượng áp dụng trên cơ sở thông tin, dữ liệu đã có trong quá trình làm thủ tục xuất khẩu và quản lý phương tiện tại cửa khẩu.

Ban Quản lý cửa khẩu thành phố Quảng Ninh công khai đối tượng và điều kiện Nghị định số 362/2025/NĐ-CP tại khu vực cửa khẩu, lối mở trên địa bàn; niêm

yết, thông báo công khai mức thu 0 đồng, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện, bảo đảm dễ tiếp cận, dễ thực hiện.

Định kỳ theo dõi số lượng phương tiện, lưu lượng hàng hóa, thời gian làm thủ tục đối với một lô hàng, tình hình xuất khẩu và số thu phí để đánh giá hiệu quả chính sách. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, kết nối dữ liệu giữa các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, không yêu cầu doanh nghiệp thực hiện thêm hồ sơ, thủ tục trong quá trình kê khai, nộp phí, bảo đảm thuận lợi cho doanh nghiệp và phù hợp với quy trình quản lý hiện hành.

4. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí

Đối với hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn Thành phố, việc quy định thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cửa khẩu mức phí 0 đồng được đánh giá trên cơ sở khả năng đóng góp của người nộp phí như sau:

Khả năng đóng góp của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu chịu tác động bởi tổng chi phí như phí vận tải, bốc xếp, sang tải, kho bãi, lưu container, lưu hàng, kiểm hóa, kiểm dịch và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trong tổng chi phí của một lô hàng, phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng cửa khẩu chỉ là một khoản nhưng là khoản chi trực tiếp, xác định được trên từng lượt phương tiện. Vì vậy, việc đưa mức thu về 0 đồng/lượt phương tiện tạo ra tác động trực tiếp, rõ ràng và dễ nhận biết đối với doanh nghiệp và đơn vị vận tải.

Đối với hàng nông sản và hàng hóa có tính thời vụ và các lô hàng cần tổ chức vận chuyển theo thời gian nhất định, việc giảm chi phí cần được thực hiện đồng thời với việc rút ngắn thời gian chờ và tổ chức thông quan thông suốt, đáp ứng yêu cầu về hiệu quả, năng lực thông quan và đảm bảo chất lượng hàng hóa.

5 Hiệu quả thu phí

Chính sách dự kiến mang lại một số kết quả tích cực như sau:

Giảm trực tiếp chi phí cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, người sản xuất giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ nông sản, mở rộng thị trường.

Khi chi phí tại cửa khẩu giảm, doanh nghiệp có thêm tiêu chí lựa chọn Quảng Ninh làm địa điểm xuất khẩu. Nếu được triển khai đồng bộ với các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thời gian thông quan, nâng cao năng lực kho bãi và dịch vụ logistics, chính sách có khả năng góp phần tăng lưu lượng hàng hóa qua cửa khẩu. Lưu lượng hàng hóa tăng sẽ tạo thêm nhu cầu đối với vận tải, kho bãi, bốc xếp, sang tải, logistics và các dịch vụ hỗ trợ khác. Chính sách không làm thay đổi quy trình kiểm tra, giám sát hàng hóa và phương tiện; không làm giảm trách nhiệm của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu, lối mở trên địa bàn thành phố.

E. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Tác động đối với doanh nghiệp

Phương án triển khai mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu làm giảm trực tiếp chi phí của doanh nghiệp và đơn vị vận tải theo từng lượt phương tiện, dễ thực hiện và không làm phát sinh hồ sơ, thủ tục mới. Đối với hàng nông sản, thủy hải sản, hoa quả và các hàng hóa có tính thời vụ, việc giảm phí hạ tầng cửa khẩu có ý nghĩa quyết định khi được thực hiện đồng thời với việc rút ngắn thời gian chờ, nâng cao năng lực thông quan, tổ chức logistics và tiết giảm các chi phí liên quan khác. Chính sách tạo thêm một yếu tố thuận lợi để doanh nghiệp cân nhắc lựa chọn Quảng Ninh, nhưng không thay thế các yếu tố quyết định khác như nhu cầu thị trường, giá hàng hóa, năng lực sản xuất, khoảng cách tuyến đường vận chuyển, năng lực kho bãi và chính sách biên mậu. Do đó, việc gia tăng nguồn hàng xuất khẩu qua địa bàn không chỉ phụ thuộc vào chính sách phí mà còn chịu nhiều tác động của các yếu tố nêu trên.

2. Tác động đối với ngân sách nhà nước

Theo số liệu thu phí thực tế ở thời điểm hiện tại, việc thực hiện chính sách thu phí 0 đồng/lượt phương tiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu dự kiến tiếp tục làm giảm trực tiếp số tiền phí nộp ngân sách tương ứng trên cơ sở số lượt phương tiện và mức thu hiện hành, ước tính giảm thêm khoảng 53.600 triệu đồng/năm (khoảng 16%/tổng số thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng).

Mặt khác, nếu chính sách góp phần tăng lưu lượng xuất khẩu hàng hóa, doanh nghiệp, vận tải, kho bãi và dịch vụ logistics khác thì có thể tạo tác động lan tỏa đến các nguồn thu ngân sách khác. Mức tăng cụ thể phụ thuộc vào diễn biến thị trường và các yếu tố ngoài chính sách phí; Do đó, chưa đủ cơ sở định lượng các chỉ tiêu tăng tại thời điểm xây dựng Đề án, vì vậy cần tổ chức theo dõi để đánh giá sau khi triển khai thực hiện.

3. Đối với hoạt động xuất nhập khẩu và logistics

Việc áp dụng mức thu 0 đồng/lượt đối với cả phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu tạo sự thống nhất trong chính sách phí đối với hai chiều của chuỗi vận chuyển hàng hóa. Trong điều kiện doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến tổng chi phí logistics, việc giảm chi phí trực tiếp tại cửa khẩu là một yếu tố có thể góp phần cải thiện hiệu quả tổ chức vận chuyển hàng hóa qua địa bàn. Từ kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND cho thấy khi giảm một khoản chi phí trực tiếp, hoạt động nhập khẩu tại các cửa khẩu tăng về phương tiện, tờ khai, kim ngạch và số thu NSNN từ hải quan. Đây là căn cứ thực tiễn để tiếp tục áp dụng giảm chi phí đối với chiều xuất khẩu, đồng thời theo dõi hiệu quả bằng các chỉ tiêu cụ thể.

Tuy nhiên, chính sách phí chỉ là một yếu tố (không quyết định) trong tổng thể chi phí logistics, để chính sách phát huy hiệu quả, cần đồng thời nâng cao năng lực khai thác hạ tầng cửa khẩu, kho bãi, điểm tập kết, bốc xếp, trung chuyển hàng hóa và kết nối dữ liệu giữa các lực lượng liên quan. Theo đó, chính sách phí được xác định là một bộ phận trong tổng thể giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cửa khẩu, không phải là yếu tố duy nhất quyết định khả năng thu hút nguồn hàng.

4. Về tác động đối với nguồn kinh phí của đơn vị thu phí

Việc thực hiện mức thu phí 0 đồng/ lượt phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu dự kiến làm giảm nguồn thu phí của Ban Quản lý cửa khẩu. Trên cơ sở số liệu thực hiện các năm gần đây, ước tính số giảm thu từ chính sách này chiếm khoảng 56% tổng nguồn thu phí hạ tầng cửa khẩu, tương đương khoảng 207.240 triệu đồng (trong đó phí phương tiện nhập khẩu khoảng: 153.600 triệu đồng, Phí phương tiện xuất khẩu khoảng 53.600 triệu đồng). Trong bối cảnh Ban Quản lý cửa khẩu phải thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành, thu phí, chuyển đổi số và từng bước triển khai mô hình cửa khẩu thông minh, việc điều chỉnh tỷ lệ để lại giai đoạn 2027-2028 là cần thiết để cân đối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ. Tỷ lệ để lại đề xuất trên cơ sở định hướng Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND và quy định của Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; đồng thời gắn với yêu cầu tiếp tục tinh giản tổ chức, cơ cấu lại lao động, tiết kiệm chi thường xuyên và tăng năng suất thông qua ứng dụng công nghệ. Việc điều chỉnh chính sách phí phải đi kèm với nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị thu phí, Ban Quản lý cửa khẩu tiếp tục rà soát tổ chức, vị trí việc làm, khối lượng công việc, đẩy mạnh tự động hóa các khâu quản lý phương tiện, quản lý dữ liệu, thu phí điện tử và kết nối thông tin. Mục tiêu là sử dụng hiệu quả nguồn lực, giảm công việc thủ công và nâng cao chất lượng phục vụ.

5. Đối với các địa phương có cửa khẩu

Đối với UBND các địa phương có cửa khẩu (trong đó có phường Móng Cái 1- địa phương được phân bổ nguồn kinh phí chi thường xuyên năm 2026 trực tiếp từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu): Việc điều chỉnh chính sách thu phí, trong đó áp dụng mức thu 0 đồng/lượt phương tiện đối với hàng hóa nhập khẩu đã làm giảm một phần nguồn thu ngân sách địa phương trong ngắn hạn. Tuy nhiên, về trung và dài hạn, chính sách này sẽ góp phần thu hút doanh nghiệp, gia tăng lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, qua đó thúc đẩy hoạt động thương mại, dịch vụ, logistics và các ngành kinh tế liên quan phát triển, tạo thêm nguồn thu ổn định, bền vững cho ngân sách địa phương. Đồng thời, việc gia tăng hoạt động xuất nhập khẩu sẽ tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội và giữ vững ổn định khu vực biên giới. Đối với các địa phương có cửa khẩu, việc đánh giá không chỉ căn cứ vào phần giảm nguồn thu phí trực tiếp mà cần xem xét đồng thời khả năng phát triển thương mại, dịch vụ, logistics và các hoạt động kinh tế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Năm 2026, tỷ lệ để lại cho cơ quan tổ chức thu phí là 25% trên tổng số thu phí năm; số còn lại (75%) được phân bổ 100% cho UBND phường Móng Cái 1 thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2026 theo Quyết định của UBND thành phố. Đối với UBND các địa phương có cửa khẩu, trên cơ sở tổng số thu phí dự kiến đạt được năm 2027 (dự kiến: 156.250 triệu đồng), sau khi trừ tỷ lệ để lại cho cơ quan tổ chức thu phí theo quy định của Nghị quyết HĐND thành phố, số còn lại nộp ngân sách theo quy định. Trên cơ sở dự toán thu, chi ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, đề nghị các sở, ngành liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền

phân bổ nguồn lực phù hợp, bảo đảm nhiệm vụ chi theo quy định năm 2027 cho UBND các xã phường liên quan, trong đó có UBND phường Móng Cái 1.

E. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nguồn lực tài chính dự kiến để thi hành Nghị quyết: Từ nguồn thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh được để lại cho đơn vị thu phí theo quy định.

F. THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG

Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh đề xuất: Mức thu 0 đồng/lượt phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu áp dụng từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, dự kiến từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2028 (02 năm), đồng bộ với chính sách 0 đồng/lượt phương tiện vận chuyển hàng hóa nhập khẩu, sau đó tổ chức đánh giá hiệu quả tổng thể để xem xét điều chỉnh phù hợp; Tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí thực hiện từ ngày 01/01/2027 đến hết ngày 31/12/2028.

Trên đây là Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn thành phố Quảng Ninh. Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân Thành phố để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (báo cáo);
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp, Sở Nội vụ;
- Các Đ/c Lãnh đạo Ban;
- Các phòng, đơn vị thuộc Ban;
- Lưu: VT, vp, QLCK.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1**BIỂU SỐ LIỆU THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG**
Từ ngày 01/01- 30/9/2026*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	CN Móng Cái	CN Hoàn Mô	CN Bắc Phong Sinh	Cộng	So cùng kỳ	% hoàn thành KH (334.000 triệu đồng)
1	Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	208.595	4.206	3.687	216.488	90%	65%
1.1	Phương tiện chở hàng hóa XNK	53.116	4.206	3,687	61.009	72%	
1.2	Phương tiện chở hàng hóa TNTX, KNQ, Quá cảnh	155.479	0	0	155.479	101%	
2	Số nộp ngân sách (75%)	156.447	3.154	2.765	162.122		
3	Số được để lại chi (25%)	52.148	1.052	922	54.122		

BIỂU KẾT QUẢ THU PHÍ SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG
TỪ KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2026/NQ-HĐND*Đơn vị tính: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Số năm 2026	Số năm 2025	So cùng kỳ
1	Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (từ 01/01-27/4/2026) thời điểm trước khi thực hiện NQ 04/2026/NQ-HĐND	99.478	97.581	102%
1.1	Phương tiện chở hàng hóa XNK	38.477	36.675	105%
1.2	Phương tiện chở hàng hóa TNTX, KNQ, Quá cảnh	61.001	60.906	100%
2	Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu từ khi thực hiện NQ 04/2026/NQ-HĐND (Từ 28/4 đến nay)	117.010	140.628	83%
2.1	Phương tiện chở hàng hóa XNK	19.532	48.273	40%
2.2	Phương tiện chở hàng hóa TNTX, KNQ, Quá cảnh	97.478	92.355	105%
Tổng cộng		216.488	238.209	91%

PHỤ LỤC 2**PHỤ LỤC CHI TIẾT DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2026-2028***ĐVT: Triệu đồng*

STT	Nội dung	2026		2027	2028
		Thực hiện từ 01/01 - 30/9/2026	Ước thực hiện năm 2026		
A	Chỉ tiêu người làm việc (người)	70	64	62	60
B	PHẦN THU: Thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	215.612	268.000	156.250	168.360
I	Số nộp ngân sách	161.716	201.000	93.750	101.016
II	Số được để lại (% trên tổng số thu)	53.905	76.890	62.500	67.344
1	<i>Thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (Năm 2026: 25%, năm 2027-2028: 40%)</i>	53.905	67.000	62.500	67.344
2	<i>Năm trước chuyển sang</i>		9.890		
C	PHẦN CHI (Triệu đồng)	38.073	76.890	62.500	67.344
I	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	14.528	22.634	18.889	19.556
1	<i>Chi lương và các khoản đóng góp theo lương</i>	10.137	14.835	11.026	11.099
2	<i>Chi phí phục vụ cho việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí (văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí)</i>	1.890	3.259	3.503	3.780
3	<i>Chi thuê, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.</i>	735	1.124	1.124	1.126
4	<i>Chi mua sắm vật tư, ấn chỉ, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.</i>	803	985	875	880
5	<i>Các khoản chi khác liên quan đến thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.</i>	963	1.275	1.370	1.430
6	<i>Trích tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương</i>		277	250	250
7	<i>Tiền thường theo ND 73/2024/ND_CP</i>		879	741	741
II	Chi thường xuyên không giao tự chủ	23.545	54.256	43.611	48.038
1	<i>Chi thuê, mua sắm, sửa chữa tài sản, máy móc thiết bị phục vụ cho việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí</i>	14.625	32.604	24.121	26.344
2	<i>Các khoản chi khác có tính chất không thường xuyên liên quan đến việc thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí</i>	8.920	21.652	19.490	21.694

PHỤ LỤC 3

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2026/NQ-HĐND

1. Tình hình hoạt động xuất nhập khẩu từ 01/01/2026 đến 30/9/2026 và so sánh cùng kỳ

STT	Cửa khẩu/lối mở	PT XK 2025/2026	PT NK 2025/2026	TK XK 2025/2026	TK NK 2025/2026	DN 2025/2026	KN XNK (triệu USD) 2025/2026	Thu NSNN (tỷ đồng) 2025/2026
1	Khu vực cầu Bắc Luân II	90.831/103.743 (+14,2%)	89.521/106.057 (+18,5%)	44.211/45.995 (+4,0%)	129.875/159.341 (+22,7%)	5.023/5.997	10.458,7/13.385,3	1.686,3/3.048,5
2	Lối mở Km3+4 Hải Yên	26.884/16.552 (-38,4%)	26.995/16.636 (-38,4%)	16.251/11.956 (-26,4%)	655/482 (-26,4%)	225/289	840,6/804,1	18,3/8,7
3	Cửa khẩu Hoàn Mô	10.728/10.692 (-0,3%)	10.728/10.692 (-0,3%)	883/702 (-20,5%)	1.069/3.236 (+202,7%)	29/174	52,4/91,7	—/150,1
4	Lối thông quan Bắc Phong Sinh	5.912/6.061 (+2,5%)	5.912/6.061 (+2,5%)	2.481/1.861 (-25,0%)	135/677 (+401,5%)	41/98	66,4/83,5	7,2/42,7

2. So sánh các chỉ tiêu trước và từ ngày 28/4/2026

STT	Địa bàn	PT NK trước/sau (*)	Bình quân ngày ±%	TK NK trước/sau	Bình quân ngày ±%	KN NK (triệu USD) trước/sau	Bình quân ngày ±%	Thu NSNN (tỷ đồng) trước/sau	Bình quân ngày ±%
1	Khu vực cầu Bắc Luân II	41.542/64.515 (xe có hàng: 30.254/49.579)	+24,5% (xe có hàng: +31,3%)	65.108/94.233	+16,0%	3.654,7/5.786,8	+26,9%	997,9/2.050,6	+64,7%

STT	Địa bàn	PT NK trước/sau (*)	Bình quân ngày ±%	TK NK trước/sau	Bình quân ngày ±%	KN NK (triệu USD) trước/sau	Bình quân ngày ±%	Thu NSNN (tỷ đồng) trước/sau	Bình quân ngày ±%
2	Lối mở Km3+4 Hải Yên	8.766/7.870 (xe có hàng: 348/734)	-28,1% (xe có hàng: +69,0%)	194/288	+19,0%	1,5/2,4	+32,2%	3,4/5,3	+24,4%
3	Cửa khẩu Hoàn Mô	5.015/5.677	-9,3%	1.362/1.874	+10,3%	28,4/45,1	+27,3%	53,8/96,3	+43,6%
4	Lối thông quan Bắc Phong Sinh	2.139/3.922	+46,9%	245/432	+41,3%	5,3/12,3	+86,3%	13,3/29,3	+76,3%
	TỔNG HỢP 04 ĐỊA BÀN	57.462/81.984	+14,3%	66.909/96.827	+16,0%	3.689,8/5.846,6	+27,0%	1.068,4/2.181,6	+63,6%

3. Một số mặt hàng/nhóm hàng chủ yếu và số thu NSNN

Địa bàn	XK/ NK	Mặt hàng/nhóm hàng	KN trước 28/4 (triệu USD)	KN từ 28/4 (triệu USD)	Thu NSNN trước (tỷ đồng)	Thu NSNN sau (tỷ đồng)	Nhóm TP quan tâm
Khu vực cầu Bắc Luân II	NK	Điện thoại	180,46	393,02	378,62	819,98	Có
Khu vực cầu Bắc Luân II	NK	Ô tô, sơ mi rơ moóc	36,01	75,19	145,26	429,12	Có
Khu vực cầu Bắc Luân II	NK	Máy móc, thiết bị (trừ điện thoại)	89,39	190,10	217,53	441,89	Có
Khu vực cầu Bắc Luân II	XK	Thủy hải sản	482,40	453,68	—	—	
Khu vực cầu Bắc Luân II	XK	Hoa quả	6,74	152,91	—	—	

Địa bàn	XK/ NK	Mặt hàng/nhóm hàng	KN trước 28/4 (triệu USD)	KN từ 28/4 (triệu USD)	Thu NSNN trước (tỷ đồng)	Thu NSNN sau (tỷ đồng)	Nhóm TP quan tâm
Lối mở Km3+4 Hải Yên	XK	Hải sản	76,87	21,46	—	—	
Lối mở Cầu phao Km3+4	XK	Nông sản	13,98	0,50	—	—	
Lối mở Km3+4 Hải Yên	XK	Hoa quả	31,97	12,58	—	—	
Cửa khẩu Hoàn Mỹ	NK	Gạch ốp lát	0,21	0,43	2,31	5,46	
Cửa khẩu Hoàn Mỹ	NK	Lốp, phụ tùng ô tô	2,37	6,25	7,50	14,18	
Cửa khẩu Hoàn Mỹ	NK	Máy móc chuyên dùng đã qua sử dụng	21,47	31,88	40,63	69,05	Có
Cửa khẩu Hoàn Mỹ	NK	Các nhóm hàng khác	4,34	6,54	3,32	7,64	
Cửa khẩu Hoàn Mỹ	XK	Hoa tươi, vỏ quế, hạt tiêu, giấy để...	7,25	11,00	—	—	
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	NK	Giày, dép	0,45	1,38	0,94	2,90	Có
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	NK	Lốp ô tô	1,30	4,39	3,40	9,72	Có
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	NK	Máy chuyên dùng đã qua sử dụng	2,98	3,46	6,25	7,22	Có
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	NK	Phụ tùng ô tô	0,47	0,79	1,29	1,85	Có

Địa bàn	XK/ NK	Mặt hàng/nhóm hàng	KN trước 28/4 (triệu USD)	KN từ 28/4 (triệu USD)	Thu NSNN trước (tỷ đồng)	Thu NSNN sau (tỷ đồng)	Nhóm TP quan tâm
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	NK	Máy móc xây dựng	0,00	1,97	—	5,27	
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	XK	Thủy sản	13,94	18,82	—	—	
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	XK	Nông sản	5,24	19,43	—	—	
Lối thông quan Bắc Phong Sinh	XK	Hàng thủ công mỹ nghệ	0,29	0,44	—	—	

4. Kết quả đối với 16 doanh nghiệp được thành phố hỗ trợ, thu hút tại Hải quan cửa khẩu quốc tế Móng Cái

STT	Tên doanh nghiệp	TK NK trước	TK NK sau	KN NK trước (triệu USD)	KN NK sau (triệu USD)	Thu trước (tỷ đồng)	Thu sau (tỷ đồng)	Kết quả
1	CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN RITA VÕ	25	23	17,76	21,51	82,66	134,89	Tăng 63,18% thu NSNN
2	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI	18	18	4,75	8,81	26,31	69,05	Tăng 162,43% thu NSNN
3	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU MÁY SAO VIỆT	9	5	5,78	8,52	12,08	77,14	Tăng 538,77% thu NSNN

STT	Tên doanh nghiệp	TK NK trước	TK NK sau	KN NK trước (triệu USD)	KN NK sau (triệu USD)	Thu trước (tỷ đồng)	Thu sau (tỷ đồng)	Kết quả
4	CÔNG TY TÀI CHÍNH HOÀNG HUY	0	4	0,00	5,88	0,00	51,68	Doanh nghiệp đưa hàng hóa về sau khi được thu hút
5	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TÀI CHÍNH HẢI ÂU	0	6	0,00	1,05	0,00	10,91	Doanh nghiệp đưa hàng hóa về sau khi được thu hút
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÁY VIỆT NAM	0	5	0,00	7,29	0,00	25,29	Doanh nghiệp đưa hàng hóa về sau khi được thu hút
7	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU FAW VIỆT NAM	1	1	0,75	4,32	2,61	15,11	Tăng 479,26% thu NSNN
8	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU NEWTIMES	30	181	9,50	45,29	20,08	95,75	Tăng 376,78% thu NSNN
9	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VINFAST	1	29	0,02	8,25	0,09	17,72	Tăng 19.823,83% thu NSNN
10	CÔNG TY TNHH XIAOMI VIỆT NAM	17	107	27,14	191,39	56,73	398,64	Tăng 602,73% thu NSNN
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DI ĐỘNG THÔNG MINH	24	29	37,11	53,02	77,41	187,92	Tăng 142,77% thu NSNN

STT	Tên doanh nghiệp	TK NK trước	TK NK sau	KN NK trước (triệu USD)	KN NK sau (triệu USD)	Thu trước (tỷ đồng)	Thu sau (tỷ đồng)	Kết quả
12	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT & KHOA HỌC VĨNH KHANG	55	63	47,63	81,43	101,01	271,36	Tăng 168,66% thu NSNN
13	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, KHOÁNG SẢN VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN	2	12	0,63	2,23	1,32	5,04	Tăng 282,62% thu NSNN
14	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP ĐỨC TRUNG	34	96	2,36	7,41	5,16	17,15	Tăng 232,27% thu NSNN
15	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CNC	60	97	2,53	3,61	5,57	8,10	Tăng 45,54% thu NSNN
16	CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP HOÀ PHÁT HẢI DƯƠNG	0	14	0,00	3,65	0,00	7,91	Doanh nghiệp đưa hàng hóa về sau khi được thu hút